

ĐỀ XUẤT MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI KẾT QUẢ HỌC TẬP TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH CỦA SINH VIÊN MỘT SỐ TRƯỜNG KINH TẾ Ở VIỆT NAM

Phạm Hồng Nhung^{1,+},
Hoàng Khánh Linh²,
Nguyễn Tùng Linh³

¹Trường Đại học Ngoại Thương; ²Trường Đại học Luật Hà Nội;

³Trường Đại học Điện lực

+Tác giả liên hệ • Email: nhungph@ftu.edu.vn

Article history

Received: 06/4/2025

Accepted: 18/6/2025

Published: 20/7/2025

Keywords

Academic achievement, ESP
in economics, psycho-
cognition, technological
support, context, influences

ABSTRACT

In the context of Vietnam's growing integration with the world, equipping students with English for special purposes (ESP) has become a key factor in helping them better prepare for their careers in economics and business. Therefore, optimizing the outcomes of ESP learning has become one of the key goals of educational institutions. Many previous studies have analyzed the factors affecting students' ESP learning outcomes and proposed many research models with the diversity of quantity and nature of these factors. Based on the synthesis of current scientific documents and data collected from interviews and questionnaires, the author analyzes and proposes a comprehensive research model covering the main factors affecting students' ESP learning outcomes. This model includes five main factors: Student psychology - perception; Student knowledge; Lecturers; Technology; Context. The model would serve as a basis for the next quantitative research phase and can be flexibly adjusted to suit different research groups or educational management needs.

1. Mở đầu

Việc giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành (TACN) bắt đầu từ những năm 1960, khi sinh viên (SV) quốc tế đến Anh để học các chuyên ngành cụ thể (Starfield, 2016). Trải qua nhiều năm phát triển, việc giảng dạy này đã có những biến đổi rõ rệt và phân hóa thành các nhánh khác nhau. Tiếng Anh học thuật (English for Academic Purposes) tập trung vào việc trang bị cho SV kiến thức tiếng Anh cơ bản trước khi vào học các chuyên ngành cụ thể. Trong khi đó, Tiếng Anh nghề nghiệp (English for Occupational Purposes) lại chú trọng vào ngôn ngữ được sử dụng trong các môi trường công sở và nghề nghiệp (Basturkmen & Wette, 2016).

Nghiên cứu của Robertson (2009) nhấn mạnh tầm quan trọng của TACN Kinh tế và Quản trị Kinh doanh trong thời đại toàn cầu hóa hiện nay, khi mà tiếng Anh đã trở thành ngôn ngữ chung, tạo điều kiện thuận lợi cho việc hợp tác quốc tế, gia tăng cơ hội nghề nghiệp và mở rộng thị trường toàn cầu. Cùng với sự phát triển của các phương pháp kiểm tra và đánh giá, việc đánh giá kết quả học tiếng Anh của SV đã trở thành vấn đề quan tâm đặc biệt. Các nhà giáo dục và nhà nghiên cứu cũng đã không ngừng tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến sự thành công trong việc học ngôn ngữ này và phát triển các phương pháp hỗ trợ SV đạt được kết quả học tập (KQHT) tốt nhất (Mushtaq & Khan, 2012). Theo nghiên cứu của Lastrì và cộng sự (2020), nhiều yếu tố tác động đến KQHT của SV xuất phát từ bản thân họ, bao gồm: (1) Động cơ học tập; (2) Sự hứng thú đối với môn học; (3) Môi trường gia đình; (4) Mô hình học tập (bao gồm phương pháp giảng dạy, năng lực giảng viên (GgV), phương pháp học của SV và khả năng học của SV). Tuy nhiên, các nghiên cứu chuyên sâu về TACN kinh tế hiện vẫn còn hạn chế, phần lớn các nghiên cứu chỉ đề cập đến vấn đề học TACN nói chung mà không đi sâu vào từng lĩnh vực cụ thể. Do đó, việc xác định và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến học tập trong TACN kinh tế là một chủ đề cần được thảo luận và nghiên cứu thêm, nhằm lựa chọn các mô hình và công cụ phân tích phù hợp với mục tiêu nghiên cứu.

Bài báo này trình bày cách tiếp cận và xây dựng khung lý thuyết để đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến KQHT TACN của SV các trường đại học thuộc khối ngành Kinh tế tại Việt Nam, từ đó cung cấp định hướng hiệu quả cho công tác đào tạo và kiểm tra, đánh giá môn học TACN ở bậc đại học.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Mô hình nghiên cứu

Dựa trên những nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến KQHT của SV (Lê Đình Hải; 2016; Trương Thị Lệ Hằng và cộng sự, 2024; Nguyễn Bích Ngọc, 2024), nhóm tác giả đã chỉ ra ba nhóm yếu tố chính ảnh hưởng đến KQHT tiếng Anh của SV. Thứ nhất, các yếu tố liên quan đến SV như tính tự chủ trong học tập, động lực, thái độ và các

chiến lược học tập mà SV áp dụng đều có tác động quan trọng đến khả năng tiếp thu ngôn ngữ. Thứ hai, yếu tố GgV bao gồm chất lượng giảng dạy, phương pháp giảng dạy, cách thức đánh giá và phản hồi của GgV, tất cả đều góp phần định hình hiệu quả học tập của SV. Thứ ba, bối cảnh học tập cũng không kém phần quan trọng, với các yếu tố như nền tảng KT-XH, cơ hội đầu vào và đầu ra, môi trường học tập và sự hỗ trợ từ công nghệ. Sự kết hợp của các yếu tố này cho thấy các bên liên quan như SV, GgV và môi trường học tập đều có thể tác động tích cực đến kết quả học tiếng Anh của SV. Từ đó, nhóm tác giả đã lựa chọn những yếu tố trên để xây dựng mô hình nghiên cứu, nhằm làm rõ ảnh hưởng của chúng đến KQHT tiếng Anh tại các trường đại học khối ngành Kinh tế.

2.2. Phương pháp thu thập, xử lý và đánh giá dữ liệu

Để đảm bảo tính đại diện cho nghiên cứu, nhóm tác giả đã áp dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên. Nhóm tác giả đã phát 465 phiếu giấy và 31 phiếu online, thu về 430 phiếu giấy và 31 phiếu online. Cụ thể, số phiếu thu thập từ từng trường bao gồm: Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội với 79 phiếu giấy và 5 phiếu online; Đại học Kinh tế Quốc dân với 80 phiếu giấy và 7 phiếu online; Trường Đại học Ngoại thương với 101 phiếu giấy và 2 phiếu online; Trường Đại học Thương mại 65 phiếu giấy và 6 phiếu online; Học viện Ngân hàng với 55 phiếu giấy và 3 phiếu online; Học viện Tài chính với 50 phiếu giấy và 8 phiếu online, tổng cộng 430 phiếu giấy và 31 phiếu online. Sau khi làm sạch dữ liệu, nhóm lựa chọn 418 phiếu giấy và 27 phiếu online hợp lệ, tổng cộng 445 phiếu, chiếm 96,5% số phiếu thu thập, đảm bảo đủ điều kiện cho phân tích. Dữ liệu thu thập từ phiếu giấy được nhập trực tiếp vào phần mềm SPSS 25.0 để mã hóa, trong khi phiếu online được chuyển từ Excel sang SPSS để xử lý. Các biến nhân khẩu học được định dạng theo thang đo định danh.

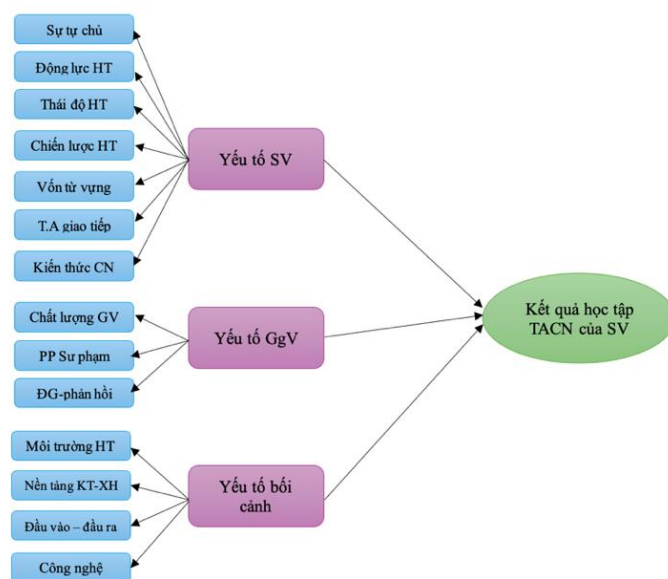
2.3. Kết quả và bàn luận

2.3.1. Đánh giá độ tin cậy của thang đo

Nghiên cứu này sử dụng phần mềm SPSS để phân tích độ tin cậy của thang đo thông qua hệ số Cronbach's Alpha. Quá trình loại biến được thực hiện tuần tự, bắt đầu từ các biến có hệ số tương quan thấp nhất. Sau mỗi lần loại một biến, hệ số Cronbach's Alpha sẽ được tính lại để đánh giá mức độ tin cậy của thang đo đã điều chỉnh. Việc này được lặp lại cho đến khi tất cả các câu hỏi còn lại đều có hệ số tương quan với biến tổng từ 0,3 trở lên và hệ số Cronbach's Alpha của toàn thang đo đạt trên 0,6.

Bảng 1. Kết quả Cronbach's Alpha cho biến độc lập

Nhân tố dự kiến	Số biến		Hệ số Cronbach's Alpha		Các biến đã loại
	Trước loại biến	Sau loại biến	Trước loại biến	Sau loại biến	
Yếu tố SV	26	22	0,919	0,930	
Sự tự chủ	5	3	0,634	0,804	TC2, TC5
Động lực	3	2	0,884		
Thái độ	4	3	0,723	0,887	TĐ2
Chiến lược học tập	5	4	0,825	0,923	CLHT2
Vốn từ vựng chuyên ngành	3	3	0,916		
Tiếng Anh giao tiếp	3	3	0,864		
Kiến thức chuyên ngành	3	3	0,929		
Yếu tố GgV	12	10	0,842	0,872	



Sơ đồ 1. Mô hình các yếu tố ảnh hưởng tới KQHT học phần TACN của SV các trường kinh tế (Nguồn: Tác giả)

Chất lượng GgV	4	4	0,883		
Phương pháp sư phạm	4	3	0,664	0,845	PPSP4
Đánh giá - Phản hồi	4	3	0,735	0,882	ĐGPH4
Yếu tố Bối cảnh	13	9	0,735	0,793	
Môi trường học tập	5	3	0,635	0,795	MTHT2, MTHT3
Nền tảng KT-XH	3	3	0,854		
Công nghệ	5	3	0,698	0,882	CN3, CN5
Tổng	51	41			10

Các nhân tố như Vốn từ vựng chuyên ngành, Kiến thức chuyên ngành và Tiếng Anh giao tiếp đạt độ tin cậy rất cao (Cronbach's Alpha > 0,85). Các nhân tố ban đầu có Cronbach's Alpha thấp (như Sự tự chủ, Phương pháp sư phạm và Môi trường học tập) đã được cải thiện đáng kể sau khi loại bỏ các biến. Việc loại bỏ các biến không phù hợp giúp cải thiện đáng kể độ tin cậy của các thang đo. Hệ số Cronbach's Alpha sau khi loại biến đều đạt ngưỡng $\geq 0,7$, đảm bảo độ tin cậy của các nhân tố.

Bảng 2. Hệ số Cronbach's Alpha cho biến phụ thuộc

Reliability Statistics				
Cronbach's Alpha		N of Items		
0,833		3		
Item-Total Statistics				
	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
KQHT1	6,50	1,737	0,728	0,737
KQHT2	6,49	1,777	0,694	0,769
KQHT3	6,49	1,678	0,663	0,803

Với Cronbach's Alpha = 0,833, thang đo này đáng tin cậy và có mức độ nhất quán nội tại tốt. Các mục (KQHT1, KQHT2, KQHT3) đều có Corrected Item-Total Correlation > 0,5, cho thấy các mục này phù hợp và nên được giữ lại trong thang đo. Nếu loại bỏ bất kỳ mục nào, Cronbach's Alpha đều giảm xuống (< 0,833), cho thấy tất cả các mục đều đóng vai trò quan trọng trong thang đo. Kết quả cho thấy thang đo này có độ tin cậy tốt, phù hợp để sử dụng trong nghiên cứu. Tất cả các mục KQHT1, KQHT2, và KQHT3 nên được giữ lại để duy trì tính nhất quán và độ tin cậy của thang đo.

2.3.2. Đánh giá độ giá trị của thang đo

Sau khi kiểm tra độ tin cậy bằng Cronbach's Alpha, tiếp tục phân tích nhân tố khám phá với 41 biến quan sát, kết quả thống kê ở bảng 3 và 4.

Bảng 3. Hệ số kiểm định KMO và Bartlett's Test

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		0,927
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	10199,379
	df	820
	Sig.	0,000

Kết quả kiểm định cho ra trị số của KMO đạt $0,927 > 0,5$ và Sig. của Bartlett là $0,000 < 0,05$ cho thấy, 41 biến quan sát này có tương quan với nhau trong tổng thể. Theo Hair và cộng sự (2010), như vậy đủ điều kiện để tiến hành phân tích nhân tố khám phá.

Bảng 4. Kết quả ma trận xoay các yếu tố trong biến độc lập

	Thành phần				
	1	2	3	4	5
TC3	0,775				
CLHT1	0,768				
TD4	0,748				
TD1	0,725				
TC1	0,719				
DL1	0,708				
TC4	0,693				
DL3	0,692				
CLHT3	0,678				
DL2	0,655				

TD3	0,562				
TVCN1		0,766			
TAGT1		0,727			
KTCN1		0,716			
TVCN2		0,711			
TVCN3		0,700			
KTCN2		0,697			
TAGT3		0,693			
TAGT2		0,692			
KTCN3		0,608			
PPSP1			0,760		
DGPH3			0,747		
CLGV2			0,747		
CLGV3			0,724		
DGPH2			0,702		
PPSP2			0,692		
CLGV1			0,612		
PPSP3			0,553		
DGPH1			0,550		
KTXH3				0,785	
KTXH1				0,781	
MTHT5				0,780	
KTXH2				0,779	
MTHT1				0,774	
MTHT4				0,754	
CN1					0,775
CN2					0,719
CLHT4					0,719
CLHT5					0,705
CLGV4					0,702
CN4					0,688

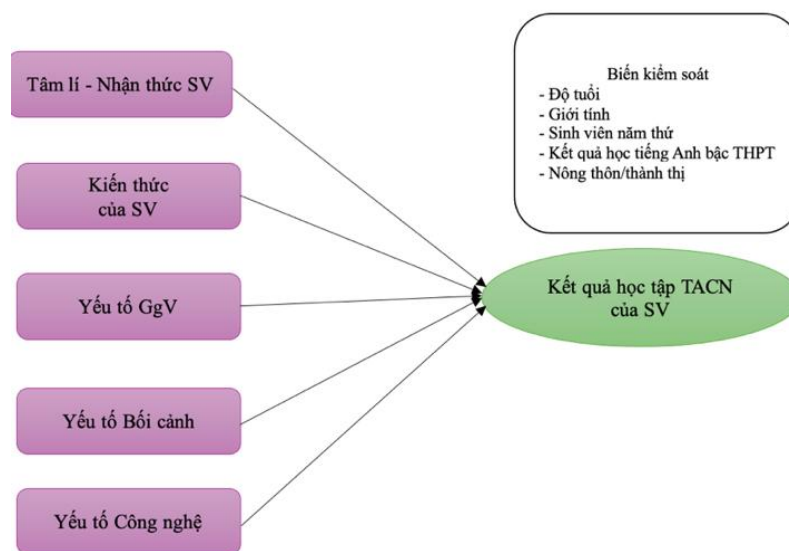
Kết quả EFA cho thấy, không có biến quan sát nào bị loại bỏ, tuy nhiên từ 3 nhóm nhân tố độc lập ban đầu được phân chia lại thành 5 nhóm nhân tố độc lập mới. Nhóm nhân tố SV tách ra thành 2 nhân tố mới, được đặt tên là Nhóm nhân tố Tâm lý - Nhận thức của SV và nhóm nhân tố Kiến thức của SV. Nhóm nhân tố Bối cảnh cũng được tách thành 2 nhóm nhân tố mới, được đặt tên là Bối cảnh và Công nghệ. Như vậy, có 5 nhóm nhân tố mới là: Tâm lý - Nhận thức của SV; Kiến thức của SV; GgV; Bối cảnh; Công nghệ. Mô hình nghiên cứu mới được hiệu chỉnh như sau:

Sau khi phân tích EFA và chọn giữ lại các nhân tố đảm bảo điều kiện Eigenvalue > 1, mô hình gồm có 05 nhân tố như trong bảng 5 dưới đây:

Bảng 5. Các nhân tố ảnh hưởng đến KQHT môn TACN của SV khối ngành Kinh tế

STT	Mô hình nghiên cứu cũ	Mô hình nghiên cứu mới	Giả thiết nghiên cứu mới	Biến quan sát (biến độc lập)
1	SV	Tâm lý - Nhận thức của SV	H1: Tâm lý - Nhận thức của SV có ảnh hưởng đến KQHT môn Tiếng Anh	TC1, TC4, TĐ1, CLHT1, CLHT3, TĐ4, ĐL3, TC3, TĐ3, ĐL2, ĐL1
2		Kiến thức của SV	H2: Kiến thức của SV có ảnh hưởng đến KQHT môn Tiếng Anh	KTCN3, KTCN1, TVCN3, TVCN1, TVCN2, KTCN2, TAGT1, TAGT2, TAGT3
3	GgV	GgV	H3: GgV có ảnh hưởng đến KQHT môn Tiếng Anh	CLGV3, CLGV2, PPSP1, CLGV1, ĐGPH1, ĐGPH2, PPSP2, ĐGPH3
4	Bối cảnh	Bối cảnh	H4: Bối cảnh có ảnh hưởng đến KQHT môn Tiếng Anh	KTXH2, MTHT1, KTXH1, KTXH3, MTHT4, MTHT5
5		Công nghệ	H5: Công nghệ có ảnh hưởng đến KQHT môn Tiếng Anh	CLHT4, CLHT5, CLGV4, CN1, CN2, CN4

Mô hình nghiên cứu được điều chỉnh như sau:



Sơ đồ 2. Mô hình nghiên cứu chính thức (Nguồn: Tác giả)

3. Kết luận

Nhìn chung, phiếu khảo sát thể hiện độ tin cậy cao với hệ thống câu hỏi thiết kế chặt chẽ, dễ tiếp cận và phản ánh chính xác các khía cạnh nghiên cứu. Kết quả phân tích nhân tố khám phá (EFA) cho thấy, cấu trúc ban đầu gồm ba nhóm nhân tố độc lập đã được mở rộng thành năm nhóm mới. Cụ thể, nhóm liên quan đến SV được chia tách thành hai thành phần riêng biệt là Tâm lý - Nhận thức và Kiến thức, trong khi nhóm Bối cảnh được phân chia thành các yếu tố Bối cảnh và Công nghệ. Do đó, mô hình nghiên cứu hiện tại bao gồm năm nhân tố trọng yếu: Tâm lý - Nhận thức của SV; Kiến thức của SV; GgV; Bối cảnh; Công nghệ. Dựa trên các nhân tố này, 41 biến quan sát đã được xây dựng nhằm phản ánh đầy đủ và toàn diện nội dung nghiên cứu. Bộ công cụ khảo sát này sẽ được sử dụng để thu thập dữ liệu, phục vụ cho việc phân tích và đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến KQHT môn TACN của SV các trường kinh tế trong điều kiện thực tiễn.

Tài liệu tham khảo

- Basturkmen, H., & Wette, R. (2016). English for academic purposes. In *The Routledge Handbook of English Language Teaching* (pp. 164-176). Routledge.
- Hair, J., Black, W., Babin, B., Anderson, R., & Anderson, R. E. (2010). *Multivariate Data Analysis* (7th ed.). Upper Saddle River, NJ: Pearson Prentice Hall.
- Lastri, L., Kartikowati, S., & Sumarno, S. (2020). Analysis of Factors that Influence Student Learning Achievement. *Journal of Educational Sciences*, 4(3), 679. <https://doi.org/10.31258/jes.4.3.p.679-693>
- Lê Đình Hải (2016). Ứng dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá trong việc xác định các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên của Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh Trường Đại học Lâm nghiệp. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp*, 2, 142-152.
- Mushtaq, I., & Khan, S. N. (2012). Factors Affecting Students' Academic Performance. *Global Journal of Management and Business Research*, 12(9), 16-22.
- Nguyễn Bích Ngọc (2024). Một số vấn đề lý luận về quản lý đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Anh của học viên ở các trường sĩ quan Quân đội đáp ứng chuẩn đầu ra. *Tạp chí Giáo dục*, 24(số đặc biệt 9), 175-180.
- Robertson, S. (2009). Europe, competitiveness and higher education: An evolving project. In R. Dale & S. Robertson (Eds.), *Globalisation and Europeanisation in Education* (pp. 65-83). Oxford: Symposium Books.
- Starfield, S. (2016). English for specific purposes. In *The Routledge Handbook of English Language Teaching* (pp. 150-163). Routledge.
- Trương Thị Lê Hằng, Nguyễn Hoàng Thịnh, Trần Vũ Phong (2024). Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên: Nghiên cứu trường hợp sinh viên ngành Quản trị nhân sự Trường Đại học Nguyễn Tất Thành. *Tạp chí Giáo dục*, 24(số đặc biệt 7), 320-325.